

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Thanh Cảnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lê Minh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2013)
Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Ủy viên
Ông Huỳnh Minh Triết	Ủy viên
Ông Võ Tấn Phong	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2013)
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thanh Thủy	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2013)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Giám đốc
Ông Vũ Anh Đức	Phó Giám đốc
Ông Dương Hiền Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Đặng Trường Sơn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2013)
Ông Lê Văn Bách	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2013)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên**

**Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Số: 325/VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 03 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Hoàng Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0145-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Thành Phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Đặng Thị Lợi**  
**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1529-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>203.417.083.720</b>	<b>123.894.914.468</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>78.110.695.149</b>	<b>48.705.193.999</b>
1. Tiền	111		78.110.695.149	36.605.193.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.100.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>462.635.972</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	20.000.000.000	462.635.972
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.266.715.100</b>	<b>35.029.035.378</b>
1. Phải thu khách hàng	131		41.347.196.331	30.186.448.044
2. Trả trước cho người bán	132		1.263.834.272	1.157.508.711
3. Các khoản phải thu khác	135	7	3.051.408.408	4.359.860.096
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.395.723.911)	(674.781.473)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>58.306.858.760</b>	<b>36.538.946.405</b>
1. Hàng tồn kho	141		58.306.858.760	36.538.946.405
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.732.814.711</b>	<b>3.159.102.714</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		821.484.885	912.255.394
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.100.691.222	215.439.151
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	810.638.604	2.031.408.169
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>50.531.385.277</b>	<b>52.862.501.661</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.531.705.940</b>	<b>13.823.917.868</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.837.658.485	12.162.637.793
- Nguyên giá	222		51.153.826.086	51.403.202.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.316.167.601)	(39.240.565.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.694.047.455	1.661.280.075
- Nguyên giá	228		3.201.978.600	3.066.978.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.507.931.145)	(1.405.698.525)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>272.578.705</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	272.578.705
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.999.679.337</b>	<b>38.766.005.088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	37.978.679.337	38.763.005.088
2. Tài sản dài hạn khác	268		21.000.000	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>253.948.468.997</b>	<b>176.757.416.129</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>156.288.769.704</b>	<b>81.181.840.812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>156.288.769.704</b>	<b>81.181.840.812</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	20.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		109.563.141.253	59.186.395.459
3. Người mua trả tiền trước	313		4.066.529.704	1.320.571.373
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.134.187.624	1.318.479.445
5. Phải trả người lao động	315		2.268.026.888	2.829.954.922
6. Chi phí phải trả	316		2.732.289.089	1.146.698.768
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	15.524.595.146	15.379.740.845
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)</b>	<b>400</b>		<b>97.659.699.293</b>	<b>95.575.575.317</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>97.659.699.293</b>	<b>95.575.575.317</b>
1. Vốn cổ phần của chủ sở hữu	411		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.799.053.092	1.799.053.092
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.264.994.097	2.055.204.054
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.279.647.900	1.209.717.886
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.316.004.204	1.511.600.285
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+410)</b>	<b>440</b>		<b>253.948.468.997</b>	<b>176.757.416.129</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		
Dầu nhờn (lít)	44.308	14.429
2. Ngoại tệ các loại		
USD	226,46	50.984,88


Thái Thị Ban Mai  
Người lập biểu

Ngũ Văn Đào  
Kế toán trưởngHuỳnh Nguyễn Bạch Tuyên  
Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	512.421.458.143	410.915.828.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	21.634.241.999	5.225.443.649
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>490.787.216.144</b>	<b>405.690.384.976</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	440.374.824.082	372.513.862.258
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>50.412.392.062</b>	<b>33.176.522.718</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.667.342.470	1.248.883.515
7. Chi phí tài chính	22	22	317.204.790	371.729.832
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		186.500.828	109.396.845
8. Chi phí bán hàng	24		28.583.095.387	18.668.308.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.584.875.419	15.607.747.572
<b>10. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]</b>	<b>30</b>		<b>2.594.558.936</b>	<b>(222.380.042)</b>
11. Thu nhập khác	31		6.176.751.927	2.579.519.972
12. Chi phí khác	32		5.445.969.802	306.821.029
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>23</b>	<b>730.782.125</b>	<b>2.272.698.943</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.325.341.061</b>	<b>2.050.318.901</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	848.497.028	538.718.616
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>2.476.844.033</b>	<b>1.511.600.285</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>278</b>	<b>170</b>

Thái Thị Ban Mai  
 Người lập biểu

Ngũ Văn Đào  
 Kế toán trưởng



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên  
 Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.325.341.061</b>	<b>2.050.318.901</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.848.488.450	2.051.996.698
Các khoản dự phòng	03	720.942.438	97.878.595
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	116.334.474	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.876.360.767)	(1.341.158.955)
Chi phí lãi vay	06	186.500.828	109.396.845
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.321.246.484</b>	<b>2.968.432.084</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(10.304.631.109)	(7.760.716.646)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(21.767.912.355)	33.104.583.325
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	54.414.761.573	1.622.938.473
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	1.476.143.445	(9.267.622.441)
Tiền lãi vay đã trả	13	(186.500.828)	(109.396.845)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(549.049.766)	(4.684.716.139)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.076.528.186
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.229.271)	(1.362.182.598)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>26.383.828.173</b>	<b>15.587.847.399</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(6.235.409.022)	(703.546.393)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	5.617.696.519	359.548.166
3. Tiền chi gửi ngắn hạn tại ngân hàng	23	(20.000.000.000)	(272.578.705)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	735.214.677	4.132.510.737
5. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	27	2.904.267.057	2.479.827.959
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.978.230.769)</b>	<b>5.995.761.764</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.038.345.000	6.806.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.038.345.000)	(6.806.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(3.104.970.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>(3.104.970.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>29.405.597.404</b>	<b>18.478.639.163</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>48.705.193.999</b>	<b>30.226.554.836</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(96.254)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>78.110.695.149</b>	<b>48.705.193.999</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 12.262.330.000 VND (2012: 12.262.330.000 VND), là số tiền cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Nghiệp vụ này không phát sinh tiền nên không trình bày trên báo cáo.

Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay trong năm không bao gồm số tiền 250.000.000 VND (2012: 500.000.000 VND) là số tiền cổ tức năm 2012 chưa nhận được từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



**Thái Thị Ban Mai**  
Người lập biểu



**Ngũ Văn Đào**  
Kế toán trưởng



**Huyền Nguyễn Bạch Tuyên**  
Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (tên trước đây là “Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo”) (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Hóa dầu Dầu khí Vidamo.

Công ty được cổ phần hóa vào ngày 19 tháng 12 năm 2009 và trở thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103100084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Tại ngày này, Công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo thành Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh vào ngày 11 tháng 4 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Tuyên Quang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 118 người).

##### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, các chế phẩm bôi trơn chuyên dụng. Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phục vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn. Tư vấn và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn công nghiệp và dân dụng. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất, hóa chất dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nhựa đường. Đại lý kinh doanh xăng dầu bán buôn, bán lẻ. Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy, đại lý kinh doanh LPG. Cho thuê kho bãi, văn phòng.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp là giá trị còn lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản khác	5

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê lô đất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí thuê cây xăng.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa văn phòng nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 5 năm.

Chi phí trả trước liên quan đến chi phí thuê cây xăng ở Đà Nẵng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 năm tương ứng với thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.063.533.420	1.541.094.189
Tiền gửi ngân hàng	77.047.161.729	35.064.099.810
Các khoản tương đương tiền	-	12.100.000.000
	<u><u>78.110.695.149</u></u>	<u><u>48.705.193.999</u></u>

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Nam với mức lãi suất là 7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi hoạt động đầu tư	250.000.000	500.000.000
Phải thu phí hỗ trợ thuê văn phòng tại Hà Nội	1.721.164.000	1.721.164.000
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi thừa	622.515.077	838.852.053
Phải thu cán bộ công nhân viên	279.462.980	143.034.165
Phải thu từ bán hàng chưa xuất hóa đơn	-	706.398.538
Phải thu khác	178.266.351	450.411.340
	<b><u>3.051.408.408</u></b>	<b><u>4.359.860.096</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.659.737.393	19.883.940.863
Công cụ, dụng cụ	1.361.158.454	1.004.202.447
Thành phẩm	19.152.182.064	11.368.130.497
Hàng hóa	14.133.780.849	4.282.672.598
	<b><u>58.306.858.760</u></b>	<b><u>36.538.946.405</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	408.297.784	682.265.386
Tạm ứng cho nhân viên	397.340.820	293.734.815
Ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	1.055.407.968
	<b><u>810.638.604</u></b>	<b><u>2.031.408.169</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	31.652.408.924	11.812.725.945	5.277.518.136	598.020.704	2.062.529.228	51.403.202.937
Mua trong năm	2.158.160.000	352.921.295	3.489.533.636	99.794.091	-	6.100.409.022
Thanh lý, nhượng bán	(5.899.267.960)	-	-	-	-	(5.899.267.960)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (i)	(174.556.187)	-	(27.627.272)	(248.334.454)	-	(450.517.913)
Tại ngày 31/12/2013	<u>27.736.744.777</u>	<u>12.165.647.240</u>	<u>8.739.424.500</u>	<u>449.480.341</u>	<u>2.062.529.228</u>	<u>51.153.826.086</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	22.082.630.158	11.450.966.089	3.776.694.921	452.454.281	1.477.819.695	39.240.565.144
Khấu hao trong năm	790.845.839	169.679.032	573.403.520	81.491.076	130.836.363	1.746.255.830
Thanh lý, nhượng bán	(503.665.151)	-	-	-	-	(503.665.151)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (i)	(54.061.035)	-	(4.682.956)	(108.244.231)	-	(166.988.222)
Tại ngày 31/12/2013	<u>22.315.749.811</u>	<u>11.620.645.121</u>	<u>4.345.415.485</u>	<u>425.701.126</u>	<u>1.608.656.058</u>	<u>40.316.167.601</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>5.420.994.966</u></u>	<u><u>545.002.119</u></u>	<u><u>4.394.009.015</u></u>	<u><u>23.779.215</u></u>	<u><u>453.873.170</u></u>	<u><u>10.837.658.485</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>9.569.778.766</u></u>	<u><u>361.759.856</u></u>	<u><u>1.500.823.215</u></u>	<u><u>145.566.423</u></u>	<u><u>584.709.533</u></u>	<u><u>12.162.637.793</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.096.999.215 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 27.825.885.700 VND).

(i) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo quy định tại Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3.066.978.600	-	3.066.978.600
Tăng trong năm	-	135.000.000	135.000.000
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.066.978.600</u>	<u>135.000.000</u>	<u>3.201.978.600</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	1.405.698.525	-	1.405.698.525
Khấu hao trong năm	102.232.620	-	102.232.620
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.507.931.145</u>	<u>-</u>	<u>1.507.931.145</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>1.559.047.455</u></u>	<u><u>135.000.000</u></u>	<u><u>1.694.047.455</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>1.661.280.075</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.661.280.075</u></u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi chuyển đổi loại hình công ty, chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ.

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tại ngày 01/01/2013	38.763.005.088	30.121.128.294
Tăng trong năm	1.896.532.217	10.560.703.924
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(2.680.857.968)	(1.918.827.130)
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>37.978.679.337</u></u>	<u><u>38.763.005.088</u></u>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Ngày 03 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 0260/13/HĐTD/CIB-HCM với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VP Bank") với số tiền vay là 20.000.000.000 VND. Khoản vay này không có đảm bảo và được hưởng lãi suất cho vay ưu đãi theo mức lãi suất ngoại tệ dành cho khối Ngân hàng bán buôn. Khoản vay sẽ đáo hạn, vào ngày 03 tháng 5 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	110.390.124	576.053.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	818.693.378	519.246.116
Thuế thu nhập cá nhân	85.905.432	94.537.084
Thuế bảo vệ môi trường	1.093.638.147	58.348.168
Các loại thuế khác	25.560.543	70.294.641
	<b><u>2.134.187.624</u></b>	<b><u>1.318.479.445</u></b>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	576.053.436	12.262.784.679	(12.728.447.991)	110.390.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	519.246.116	848.497.028	(549.049.766)	818.693.378
Thuế thu nhập cá nhân	94.537.084	334.838.483	(343.470.135)	85.905.432
Thuế bảo vệ môi trường	58.348.168	7.340.617.633	(6.305.327.654)	1.093.638.147
Các loại thuế khác	70.294.641	10.000.000	(54.734.098)	25.560.543
	<b><u>1.318.479.445</u></b>	<b><u>20.796.737.823</u></b>	<b><u>(19.981.029.644)</u></b>	<b><u>2.134.187.624</u></b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp	36.722.128	64.020.610
Phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.809.914.223	2.809.914.223
Phải trả cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11.712.330.000	11.712.330.000
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	550.000.000	550.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	168.000.000	168.000.000
Phải trả khác	247.628.795	75.476.012
	<b><u>15.524.595.146</u></b>	<b><u>15.379.740.845</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2012	89.000.000.000	1.799.053.092	-	528.626.587	13.888.477.951	105.216.157.630
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.790.000.000)	(9.790.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.511.600.285	1.511.600.285
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2.055.204.054	681.091.299	(4.098.477.951)	(1.362.182.598)
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>89.000.000.000</u>	<u>1.799.053.092</u>	<u>2.055.204.054</u>	<u>1.209.717.886</u>	<u>1.511.600.285</u>	<u>95.575.575.317</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.476.844.033	2.476.844.033
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	209.790.043	69.930.014	(559.440.114)	(279.720.057)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(113.000.000)	(113.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>89.000.000.000</u></b>	<b><u>1.799.053.092</u></b>	<b><u>2.264.994.097</u></b>	<b><u>1.279.647.900</u></b>	<b><u>3.316.004.204</u></b>	<b><u>97.659.699.293</u></b>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/NQ-PVOLUB-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 5 năm 2013, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2012 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị với số tiền lần lượt là 209.790.043 VND, 69.930.014 VND, 279.720.057 VND và 113.000.000 VND.

**Vốn cổ phần**

	31/12/2013		31/12/2012	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	8.900.000	89.000.000.000	8.900.000	89.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>8.900.000</u>	<u>89.000.000.000</u>	<u>8.900.000</u>	<u>89.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết về cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	55.773.000.000	62,67	55.773.000.000	62,67
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn Hà Nội	8.000.000.000	8,99	8.000.000.000	8,99
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5.000.000.000	5,62	5.000.000.000	5,62
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	3.000.000.000	3,37	3.000.000.000	3,37
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	1.975.000.000	2,22	1.975.000.000	2,22
Ông Trương Anh Hùng	2.000.000.000	2,25	2.000.000.000	2,25
Cổ đông khác	13.252.000.000	14,88	13.252.000.000	14,88
	<b>89.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>89.000.000.000</b>	<b>100</b>

**17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dầu mỡ nhờn và kinh doanh xăng dầu; hoạt động khác là cho thuê văn phòng. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	2013	2012
	VND	VND
<b>Miền Nam</b>	<b>219.494.649.216</b>	<b>185.239.263.669</b>
Văn phòng Hồ Chí Minh	219.494.649.216	175.887.600.594
Chi nhánh Vũng Tàu	-	9.351.663.075
<b>Miền Trung</b>	<b>130.861.029.901</b>	<b>77.862.683.268</b>
Chi nhánh Đà Nẵng	130.861.029.901	77.862.683.268
<b>Miền Bắc</b>	<b>140.431.537.027</b>	<b>142.588.438.039</b>
Chi nhánh Hà Nội	115.981.729.895	134.441.136.672
Chi nhánh Tuyên Quang	5.558.858.480	8.147.301.367
Chi nhánh Hải Phòng	18.890.948.652	-
	<b>490.787.216.144</b>	<b>405.690.384.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>512.421.458.143</b>	<b>410.915.828.625</b>
Thành phẩm dầu mỡ nhờn	163.247.498.965	117.875.965.143
Hàng hóa dầu mỡ nhờn	26.032.680.370	40.598.265.561
Hàng hóa xăng dầu	317.175.109.394	248.136.559.223
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	5.966.169.414	4.305.038.698
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>21.634.241.999</b>	<b>5.225.443.649</b>
Thuế bảo vệ môi trường	7.340.617.633	937.723.680
Chiết khấu thương mại	14.029.770.989	4.287.719.969
Giảm giá hàng bán	263.853.377	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>490.787.216.144</b>	<b>405.690.384.976</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2013 VND	2012 VND
Thành phẩm dầu mỡ nhờn	112.804.840.581	96.532.245.139
Hàng hóa dầu mỡ nhờn	24.709.320.792	35.502.371.814
Hàng hóa xăng dầu	297.944.948.231	237.881.520.257
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	4.915.714.478	2.597.725.048
	<b>440.374.824.082</b>	<b>372.513.862.258</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.304.730.831	92.558.258.701
Chi phí nhân công	21.703.849.323	16.665.446.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.848.488.450	2.051.996.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.801.101.811	12.811.700.618
Chi phí khác bằng tiền	6.157.349.310	7.988.590.854
	<b>160.815.519.725</b>	<b>132.075.993.069</b>

**21. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.654.267.057	1.140.531.152
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.075.413	108.352.363
	<b>2.667.342.470</b>	<b>1.248.883.515</b>

002-  
INH  
TY  
HUU H  
ITE  
AM  
OCY

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay và lãi chậm nộp cổ phần hóa	186.500.828	109.396.845
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.369.488	262.332.987
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	116.334.474	-
	<u><b>317.204.790</b></u>	<u><b>371.729.832</b></u>

**23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản	5.617.696.519	359.548.166
Thu nhập khác	559.055.408	2.219.971.806
	<u><b>6.176.751.927</b></u>	<u><b>2.579.519.972</b></u>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	5.395.602.809	267.272.726
Chi phí khác	50.366.993	39.548.303
	<u><b>5.445.969.802</b></u>	<u><b>306.821.029</b></u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u><b>730.782.125</b></u>	<u><b>2.272.698.943</b></u>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	3.325.341.061	2.050.318.901
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	68.647.051	104.555.561
Thu nhập chịu thuế	3.393.988.112	2.154.874.462
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>848.497.028</b></u>	<u><b>538.718.616</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
Lợi nhuận trong năm (VND)	2.476.844.033	1.511.600.285
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.476.844.033	1.511.600.285
Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu)	8.900.000	8.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<u><b>278</b></u>	<u><b>170</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.224.790.400</u>	<u>578.657.000</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.547.230.400	249.780.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.046.189.081	-
Sau năm năm	3.748.320.000	-
	<u>8.341.739.481</u>	<u>249.780.000</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê liên quan đến việc thuê hai văn phòng tại 193/6A đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh và Lô 13, nhà M1, Khu đô thị mới Yên Hòa, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, khoản thanh toán thuê hoạt động này còn bao gồm tiền thuê hai cửa hàng xăng dầu số 249 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng và số 02 Bùng Bình Nguyễn Hữu Thọ - Duy Tân, thành phố Đà Nẵng.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị vào cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.110.695.149	48.705.193.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.002.880.828	33.871.526.667
Đầu tư tài chính	20.000.000.000	735.214.677
Các khoản ký quỹ, ký cược	26.000.000	1.058.407.968
<b>Tổng cộng</b>	<u>141.139.575.977</u>	<u>84.370.343.311</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	20.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	125.051.014.271	74.559.661.340
Chi phí phải trả	2.732.289.089	1.146.698.768
<b>Tổng cộng</b>	<u>147.783.303.360</u>	<u>75.706.360.108</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (“USD”)	770.402.403	3.630.788.830	-	1.036.472.095

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính 2013 và năm 2012 sẽ tăng/giảm một khoản tiền lần lượt là 15.408.048 VND và 51.886.335 VND.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay vì khoản vay của Công ty được ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VP Bank”) với mức lãi suất cố định. Ngoài ra, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền khác	78.110.695.149	-	78.110.695.149
Phải thu khách hàng và phải thu	43.002.880.828	-	43.002.880.828
Đầu tư tài chính	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.000.000	21.000.000	26.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>141.118.575.977</u></b>	<b><u>21.000.000</u></b>	<b><u>141.139.575.977</u></b>
31/12/2013			
Các khoản vay	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	125.051.014.271	-	125.051.014.271
Chi phí phải trả	2.732.289.089	-	2.732.289.089
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>147.783.303.360</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>147.783.303.360</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>(6.664.727.383)</u></b>	<b><u>21.000.000</u></b>	<b><u>(6.643.727.383)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 – 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền khác	48.705.193.999	-	48.705.193.999
Phải thu khách hàng và phải thu	33.871.526.667	-	33.871.526.667
Đầu tư tài chính	462.635.972	272.578.705	735.214.677
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.055.407.968	3.000.000	1.058.407.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.094.764.606</b>	<b>275.578.705</b>	<b>84.370.343.311</b>
31/12/2012			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	74.559.661.340	-	74.559.661.340
Chi phí phải trả	1.146.698.768	-	1.146.698.768
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.706.360.108</b>	<b>-</b>	<b>75.706.360.108</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.388.404.498</b>	<b>275.578.705</b>	<b>8.663.983.203</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình vì hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan (Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty mẹ) như trình bày tại Thuyết minh số 28. Do đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ của PV Oil
Công ty CP Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty CP Dầu khí Mê Kông	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí An Giang	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty CP Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty con Tổng Công ty Dầu Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2013 VND	2012 VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Trụ sở chính	55.539.327.263	3.323.546.176
Các công ty trong cùng Tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>17.967.906.140</u>	<u>72.108.034.576</u>
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Trụ sở chính	226.770.265.770	8.486.836.366
Các công ty trong cùng Tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>65.036.088.808</u>	<u>237.203.093.578</u>
<b>Khác</b>		
Thanh toán khoản phải trả về cổ phần hóa	-	25.182.314.713
Chia cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>-</u>	<u>6.135.030.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	<u>1.705.470.198</u>	<u>1.890.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	13.084.259.624	3.377.599.663
Các công ty trong cùng Tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>3.790.766.681</u>	<u>13.442.085.525</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	104.419.015.893	7.477.413.530
Các công ty trong cùng Tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>2.974.145</u>	<u>44.597.475.034</u>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11.712.330.000	11.712.330.000
Phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.809.914.223</u>	<u>2.809.914.223</u>

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã hoàn tất các thủ tục nộp con dấu, giấy phép đăng ký kinh doanh và các thủ tục về thuế liên quan đến việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Tuyên Quang, và đến ngày 20 tháng 01 năm 2014 Công ty chính thức nhận được quyết định giải thể chi nhánh này từ cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Cụ thể, việc phân loại được lập cho các khoản mục sau:

**Mã số      Số đã báo cáo      Phân loại lại      Số sau phân loại lại**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

## 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp

dịch vụ

01      409.978.104.945      937.723.680      410.915.828.625

## 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

02      4.287.719.969      937.723.680      5.225.443.649



**Thái Thị Ban Mai**  
Người lập biểu



**Ngũ Văn Đào**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên**  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

